

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ THẢO

**TỘI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY THIẾT HẠI
NGHIÊM TRỌNG ĐẾN TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRỊNH QUỐC TOẢN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục các bảng

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY THIẾT HẠI NGHIÊM TRỌNG ĐẾN TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC	8
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong luật hình sự Việt Nam	8
1.1.1. Khái niệm về sở hữu nhà nước, tài sản của Nhà nước	8
1.1.2. Khái niệm về tội Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	12
1.1.3. Ý nghĩa của việc quy định tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong luật hình sự Việt Nam.....	14
1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	15
1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành bộ luật hình sự năm 1985	15
1.2.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến trước khi ban hành bộ luật hình sự năm 1999	17
1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành bộ luật hình sự năm 1999 đến nay	19
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	22
Chương 2: CÁC DẤU HIỆU PHÁP LÝ, ĐƯỜNG LỐI XỬ LÝ ĐỐI VỚI TỘI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY THIẾT HẠI NGHIÊM TRỌNG ĐẾN TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999	23
2.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	23
2.1.1. Khách thể của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	24

2.1.2.	Mặt khách quan của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.....	27
2.1.3.	Chủ thể của tội phạm thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.....	31
2.1.4.	Mặt chủ quan của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.....	34
2.2.	Đường lối xử lý đối với người thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước theo bộ luật hình sự năm 1999	40
2.2.1.	Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng	41
2.2.2.	Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.....	43
2.2.3.	Phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng	44
2.2.4.	Hình phạt bổ sung	44
2.3.	Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với một số tội phạm theo quy định của bộ luật hình sự năm 1999	45
2.3.1.	Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145 BLHS).....	45
2.3.2.	Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165 BLHS)	47
2.3.3.	Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 144 BLHS) với tội Tham ô tài sản (Điều 278 BLHS).....	50
2.3.4.	Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 285 BLHS)	59
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	62
	Chương 3: THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY THIẾT HẠI NGHIÊM TRỌNG ĐẾN TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC	64
3.1.	Thực trạng xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	64
3.1.1.	Tình hình xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.....	64

3.1.2.	So sánh thực trạng xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội phạm chung, tội phạm xâm phạm sở hữu và nhóm tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi.....	67
3.1.3.	Những tồn tại, hạn chế qua thực tiễn xử lý tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	70
3.1.4.	Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.....	75
3.2.	Giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.....	83
3.2.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	83
3.2.2.	Giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước	85
3.2.3.	Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và trình độ chuyên môn của cán bộ thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.....	86
3.2.4.	Đẩy mạnh công tác giám sát, quản lý tài sản công, chống lãng phí, thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và nâng cao trình độ của cán bộ quản lý	88
	KẾT LUẬN	90
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	92

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Qua thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự những năm gần đây cho thấy tình hình tội phạm của nhóm tội xâm phạm sở hữu có nhiều diễn biến phức tạp, gây ra nhiều hậu quả và tác hại lớn cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của cá nhân của như của Nhà nước. Loại tội phạm này không chỉ tăng nhanh về số lượng mà còn tăng nhanh cả về đối tượng phạm tội.

Nhìn chung, các cơ quan tố tụng trong quá trình áp dụng quy định của các điều luật thuộc Chương XIV - Các tội xâm phạm sở hữu của Bộ luật hình sự (BLHS) năm 1999 đều thuận lợi nên kết quả điều tra, truy tố, xét xử đối với loại tội phạm trong thời gian qua từng bước được nâng cao, số lượng các vụ án xâm phạm sở hữu được đưa ra xét xử tương đối lớn so với tội phạm nói chung. Riêng đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước được quy định tại Chương XIV BLHS năm 1999, trong giai đoạn từ 2010 đến 2014 Tòa án cấp sơ thẩm trong cả nước thụ lý giải quyết 19 vụ với 31 bị cáo, chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong tổng số án cũng như bị cáo của nhóm tội xâm phạm sở hữu cần phải giải quyết. Mặc dù số lượng án về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước hàng năm xảy ra không nhiều nhưng lại có một số vụ án gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, gây bất bình trong nhân dân, tạo dư luận xấu và làm cho lòng tin của nhân dân đối với những người làm công tác quản lý tài sản cũng như đối với trình độ của những người này.

Vì vậy, để làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý hình sự, nhận diện đầy đủ và hiểu sâu sắc hơn các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong giai đoạn từ 2010 đến 2014, trên cơ sở đó tìm giải pháp hoàn thiện về mặt lập pháp hình sự cũng như giải pháp thực tiễn nhằm hoàn thiện pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm là một việc làm cần thiết nên học viên đã

quyết định chọn nghiên cứu đề tài: “*Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong LHS Việt Nam*” làm luận văn thạc sĩ luật học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước đã được nghiên cứu và đề cập trong các Giáo trình LHS Việt Nam của các cơ sở nghiên cứu và đào tạo luật học như: Khoa Luật, trường Đại học quốc gia Hà Nội; trường Đại học Luật Hà Nội; Viện Nhà nước và pháp luật thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam và một số cơ sở đào tạo khác...

Dưới góc độ khoa học pháp lý hình sự, việc nghiên cứu tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước chưa được quan tâm nghiên cứu mà chỉ được đề cập, bình luận chung trong các giáo trình được giảng dạy ở các cơ sở đào tạo đại học và được một số các tác giả nghiên cứu chung trong nhóm tội xâm phạm sở hữu như: Giáo trình LHS Việt Nam (*Phần các tội phạm*), Khoa luật- Đại học Quốc Gia Hà Nội, do GS.TSKH Lê Cẩm chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001; Giáo trình LHS Việt Nam (Tập II) do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2010; TS. Nguyễn Đức Mai (chủ biên), *Chương XIV- Các tội xâm phạm sở hữu*, Trong sách: *Bình luận khoa học BLHS 1999 sửa đổi bổ sung năm 2013, phần các tội phạm*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2013; TS. Nguyễn Mai Bộ, *Các tội xâm phạm sở hữu trong BLHS 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010; Th.s Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học BLHS năm 1999 (Phần các tội phạm)*, Tập II- "*Các tội xâm phạm sở hữu*", Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tái bản 2010. Ngoài ra, còn có một số bài viết trên các tạp chí khoa học cũng chỉ có một số bài viết đơn lẻ đề cập đến nhóm tội xâm phạm sở hữu như “*Hoàn thiện các quy định của BLHS về các tội xâm phạm sở hữu*” Tạp chí Tòa án nhân dân tháng 1/2009, PGS.Ts Nguyễn Ngọc Anh và Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong hoạt động ngân hàng, Tạp chí Ngân hàng tháng 11/2009, Ls Phan Văn Lãng...

Dưới góc độ đề tài luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ luật học: đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước thì chưa có công trình khoa học nào đề cập đến mà chỉ có một số luận văn thạc sĩ nghiên cứu về một số tội danh cụ thể khác trong nhóm tội xâm phạm sở hữu và có luận văn tiến sĩ của tác giả Nguyễn Ngọc Chí, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội năm 2000 với đề tài “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm sở hữu*”.

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã từng bước nhận diện và làm rõ một số vấn đề về khái niệm, đặc trưng cơ bản của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước. Tuy nhiên các tác giả của các công trình nghiên cứu này chưa phân tích sâu về lý luận cũng như thực tiễn áp dụng và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS năm 1999 về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước. Có thể khẳng định việc nghiên cứu về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước dưới góc độ một luận văn thạc sĩ luật học là có tính thời sự và cấp thiết vì cho đến nay chưa có một công trình nào đề cập riêng đến tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước một cách hệ thống các vấn đề pháp lý, lý luận và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sĩ luật học, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung khái quát lịch sử hình thành và phát triển tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước từ sau Cách mạng Tháng tám 1945 đến nay; làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, các dấu hiệu pháp lý đặc trưng và đường lối xử lý đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, phân tích thực tiễn xét xử trong những năm gần đây với tư cách là một tội phạm trong chương các tội xâm phạm sở hữu của BLHS.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu một cách toàn diện, làm sáng tỏ một cách có hệ thống những vấn đề về lập pháp, lý luận về tội thiếu trách

nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước và việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn, từ đó xác định những bất cập trong việc áp dụng các quy định. Đồng thời nghiên cứu thực trạng tội phạm về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích các căn cứ về mặt pháp lý, lý luận và thực tiễn xét xử, xác định bản chất, dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, đường lối xử lý hình sự, qua đó so sánh với một số tội phạm được quy định tại BLHS năm 1999.

- Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng quy phạm PLHS về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong năm năm từ 2010 đến 2014, đồng thời phân tích những hạn chế trong việc áp dụng pháp luật.

- Mục đích cuối cùng là từ cơ sở lý luận và thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, Luận văn đưa ra một số kiến nghị, đề xuất dưới góc độ hoàn thiện pháp luật hình sự, đường lối xử lý và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của Luận văn là quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm và định hướng của Đảng và Nhà nước ta về chính sách hình sự, quan điểm, đường lối xử lý các tội xâm phạm sở hữu trước yêu cầu mới.

5.2. Các phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu, tác giả luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mac- Lê nin. Các phương pháp của khoa học LHS, tội phạm học, khoa học thống kê tư pháp, khoa học lịch sử, so sánh kết hợp với phân tích xã hội học, phương pháp quy nạp, diễn dịch được sử dụng linh hoạt trong nghiên cứu.

6. Ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

Luận văn hệ thống một cách toàn diện và đầy đủ những vấn đề lý luận và thực tiễn của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước theo LHS Việt Nam và đánh giá thực tiễn xét xử trong thời gian năm năm trên phạm vi cả nước. Góp phần bổ sung và hoàn thiện lý luận về tội phạm đối với các tội phạm cụ thể trong LHS Việt Nam, nhất là các tội xâm phạm sở hữu. Do đó, luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các nhà khoa học, luật gia, các sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành tư pháp hình sự.

6.2. Về mặt thực tiễn

Qua việc phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự, luận văn góp phần xác định cụ thể dấu hiệu của tội phạm thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước khi đánh giá hành vi phạm tội cũng như định tội danh đối với loại tội phạm này. Đồng thời những kiến nghị hoàn thiện pháp luật góp phần đáp ứng yêu cầu của công cuộc cải cách tư pháp hiện nay cũng như đảm bảo việc áp dụng thống nhất pháp luật trong cả nước.

7. Kết cấu của Luận văn

Kết cấu của luận văn ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong LHS Việt Nam.

Chương 2: Các dấu hiệu pháp lý, đường lối xử lý và thực tiễn xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.

Chương 3: Thực trạng, giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TỘI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY THIẾT HẠI NGHIÊM TRỌNG ĐẾN TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của việc quy định tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong LHS Việt Nam

1.1.1. Khái niệm về sở hữu nhà nước, tài sản của Nhà nước

Từ sự “định hướng” của Hiến pháp năm 1992 về chế độ sở hữu và các hình thức sở hữu, Chương XIII, Bộ luật dân sự năm 2005 thì Nhà nước ta có 06 hình sở hữu, bao gồm sở hữu Nhà nước; sở hữu tập thể; sở hữu tư nhân; sở hữu chung; sở hữu của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội; sở hữu của tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp. Mỗi hình thức sở hữu có các chế độ pháp lý đặc trưng và có vai trò nhất định, trong đó sở hữu Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong các hình thức sở hữu, là nền tảng của sự phát triển kinh tế - xã hội.

1.1.2. Khái niệm về tội Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Theo quy định tại Điều 144 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì điểm đặc trưng để hình thành khái niệm về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước gồm ba yếu tố chính đó: do người có trách nhiệm trực tiếp trong công tác quản lý tài sản của Nhà nước; do thiếu trách nhiệm và cuối cùng là gây thiệt hại nghiêm trọng.

Về quan điểm khoa học, khái niệm về tội “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của Nhà nước” được một số Tác giả đề cập trong các sách báo pháp lý, về hình thức thì có sự khác nhau nhưng cơ bản là đều thống nhất với nhau về bản chất của loại tội phạm này.

Tác giả Nguyễn Mai Bộ có quan điểm: “*Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là hành vi thiếu trách nhiệm làm mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước thực hiện một cách vô ý*”.

Tác giả Đinh Văn Quế có đưa ra định nghĩa:

“Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà

nước là hành vi không làm hoặc làm không hết trách nhiệm nên đã để mất mát, hư hỏng, lãng phí gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước do mình trực tiếp quản lý”.

Trên cơ sở các đặc điểm vừa phân tích và dựa vào khái niệm chung về tội phạm có thể đưa ra khái niệm sau: *Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Điều 144 BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đã không làm hoặc không làm hết trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước do mình trực tiếp quản lý.*

1.1.3. Ý nghĩa của việc quy định tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong LHS Việt Nam

Ý nghĩa đầu tiên là tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong việc áp dụng thống nhất pháp luật của các cơ quan tư pháp hình sự cũng như cuộc đấu tranh phòng, chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước.

Thứ hai, việc quy định tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước có ý nghĩa trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ công chức khi thực hiện nhiệm vụ của mình trong khi được giao quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước.

Thứ ba, thể hiện tầm quan trọng của tài sản Nhà nước đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước, cần được bảo vệ bởi pháp luật hình sự.

1.2. Lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

1.2.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985

Cách mạng thành công, Nhà nước mới thành lập phải đối phó với thù trong giặc ngoài và hoàn cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước còn khó khăn, để giải quyết các vụ án hình sự, Nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 47-SL ngày 10-10-1946 tạm thời giữ lại các luật lệ tại miền Bắc, Trung, Nam Bộ cho đến khi ban hành các văn bản pháp luật thống nhất trong toàn quốc. Sắc lệnh số 47 được ban hành kịp thời đã hạn chế tới mức thấp nhất sự xáo trộn trong đời sống và quan hệ thường nhật của nhân dân,

góp phần ổn định xã hội. Trong giai đoạn này Nhà nước cũng ban hành một số Sắc lệnh quy định về các tội xâm phạm sở hữu như: Sắc lệnh số 267 ngày 15-6-1958 trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch xây dựng kinh tế và văn hóa nhằm góp phần vào việc bảo vệ sự nghiệp xây dựng kinh tế và văn hóa.

Nhận thức được tầm quan trọng của tài sản xã hội chủ nghĩa đối với sự tồn tại và phát triển của đất nước trong thời kỳ đất nước còn chia cắt, thù trong giặc ngoài nên ngoài hai sắc lệnh trên, ngày 21-10-1970, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. So với Sắc lệnh 267 thì Pháp lệnh năm 1970 đã quy định cụ thể hơn về các hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa. Về hình phạt Pháp lệnh năm 1970 không quy hình phạt chung thân đối với hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước nhưng ngoài hình phạt chính thì bổ sung thêm hình phạt phụ. Đó là ngoài việc bị xử phạt tù thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm những chức vụ có liên quan trực tiếp đến tài sản xã hội chủ nghĩa từ hai năm đến năm năm.

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1985 đến trước khi ban hành BLHS năm 1999

BLHS năm 1985 được Quốc hội khóa VII thông qua ngày 27-6-1985 và có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước ngày 01-01-1986 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng về kỹ thuật lập pháp của nước ta. Lần đầu tiên PLHS được thể hiện dưới hình thức bộ luật - một hình thức lập pháp cao, tập hợp các quy phạm PLHS, thể hiện sự thống nhất, tổng thể và có tính hệ thống, Tại BLHS năm 1985, các tội xâm phạm sở hữu được quy định thành hai chương độc lập đó là:

- Chương IV: Các tội xâm phạm sở hữu xã hội chủ nghĩa
- Chương VI: Các tội xâm phạm sở hữu công dân

Trong đó, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa được quy định tại Điều 139 thuộc Chương IV BLHS năm 1985.

Ngoài hình phạt chính được quy định tại Điều 139 thì Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa cũng

được quy định thêm hình phạt bổ sung như Pháp lệnh năm 1970 đó là có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý tài sản xã hội chủ nghĩa từ hai năm đến năm năm.

Xuất phát từ diễn biến tình hình tội phạm thực tiễn xét xử, ngày 22-12-1992, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS để phù hợp với tình hình thực tế, trong đó Điều 139 được bổ sung theo tăng nặng khung hình phạt để góp phần trừng trị và đấu tranh chống loại tội phạm này trên thực tế

Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn này được sửa đổi bổ sung theo hướng bỏ hình phạt cải tạo không giam giữ đối với loại tội này và tăng mức hình phạt định khung ở cả khoản 1 và khoản 2. Điều này thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta là cần phải xử phạt thật nghiêm khắc hơn đối với loại tội phạm này, thể hiện sự răn đe đối với đội ngũ cán bộ công chức đối với nhiệm vụ được giao, nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tránh tình trạng thờ ơ, vô trách nhiệm.

1.2.3. Giai đoạn từ khi ban hành BLHS năm 1999 đến nay

So với Điều 139 BLHS năm 1985 thì tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước được quy định tại Điều 144 BLHS không có thay đổi lớn, nhưng quy định cụ thể thiệt hại nghiêm trọng về tài sản là thiệt hại từ 50.000.000 đồng trở lên và được quy định thành 4 khoản, trong đó có quy định hình phạt bổ sung ngay tại điều luật (khoản 4). Mặc dù có hình phạt cao nhất là mười lăm năm tù, nhưng mức hình phạt thấp nhất là cải tạo không giam giữ, nên Điều 144 BLHS năm 1999 được coi là nhẹ hơn so với Điều 139 BLHS năm 1985. Vì vậy, hành vi phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa xảy ra trước 00 giờ 00 ngày 1-7-2000 mà sau 0 giờ 00 ngày 1-7-2000 mới phát hiện thì áp dụng Điều 144 BLHS năm 1999 để xử lý đối với người phạm tội.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Để đáp ứng yêu cầu của công tác phòng ngừa, đấu tranh đối với tội phạm xâm phạm sở hữu Nhà nước, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại

ngghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước ngay từ những năm 1945, từ Sắc Lệnh 267 đã được quy định thành một tội phạm độc lập với khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là quan hệ sở hữu Nhà nước. Qua các lần pháp điển hóa lần thứ nhất năm 1985, pháp điển hóa lần thứ hai năm 1999, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước ngày càng được quy định cụ thể hơn, không chỉ thể hiện sự chuyển biến trong nhận thức của nhà làm luật mà còn thấy được quá trình phát triển của các quy định pháp luật hình sự về tội này, qua đó thấy được yêu cầu cấp bách của công tác phòng ngừa, đấu tranh, xử lý đối với hành vi thiếu trách nhiệm xâm phạm ngghiêm trọng đến sở hữu Nhà nước.

Việc qui định Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước có ý nghĩa trong việc bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước đồng nghĩa với việc bảo vệ tài sản của toàn dân.

Chương 2

CÁC DẤU HIỆU PHÁP LÝ, ĐƯỜNG LỐI XỬ LÝ ĐỐI VỚI TỘI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY THIẾT HẠI NGGHIÊM TRỌNG ĐẾN TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC THEO BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 1999

2.1. Các dấu hiệu pháp lý của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

2.1.2. Khách thể của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Khách thể của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là hành vi xâm phạm vào quyền sở hữu Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với tài sản. Như vậy chỉ những tài sản mà thuộc sở hữu của Nhà nước mới được xem là khách thể của loại tội phạm này

2.1.3. Mặt khách quan của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

2.1.3.1. Hành vi khách quan

Hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại ngghiêm trọng đến tài sản của

Nhà nước là hành vi làm hoặc làm không hết trách nhiệm được giao nên mới gây ra thiệt hại về tài sản, nếu làm tròn trách nhiệm được giao thì không thể gây thiệt hại.

Hành vi thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý tài sản Nhà nước thường được biểu hiện như vi phạm các nguyên tắc, chính sách, chế độ liên quan đến việc quản lý tài sản của Nhà nước, như: chế độ quản lý vật tư, kho hàng; chế độ phòng cháy, chữa cháy; chế độ thu chi tiền mặt; chế độ xuất, nhập vật tư, thiết bị; chế độ bảo quản hàng hóa... Các nguyên tắc, chế độ có liên quan đến quản lý tài sản có thể là nguyên tắc, chế độ quản lý kinh tế, nhưng cũng có thể chỉ là nguyên tắc, chế độ về hành chính nhưng có liên quan quản lý tài sản, có khi chỉ là những quy định có tính chất kỹ thuật đơn thuần như những quy tắc vận hành thiết bị, máy móc, chỉ là một bản nội quy cơ quan nếu vi phạm mà dẫn đến mất mát, hư hỏng, lãng phí, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước do mình trực tiếp quản lý thì cũng bị coi là thiếu trách nhiệm.

2.1.3.2. Hậu quả

Hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này, cụ thể là thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản Nhà nước, ngoài ra không có thiệt hại nào khác và thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước chính là giá trị tài sản bị thiệt hại do hành vi thiếu trách nhiệm của người có nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản gây ra và giá trị thiệt hại từ 50.000 đồng trở lên.

2.1.3.3. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả

Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là tội phạm có cấu thành vật chất, nghĩa là trong mặt khách quan của tội phạm phải xác định và làm rõ mối quan hệ nhân quả giữa hành vi thiếu trách nhiệm của chủ thể và hậu quả do hành vi đó gây nên. Người có hành vi thiếu trách nhiệm chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về những thiệt hại tài sản do chính hành vi thiếu trách nhiệm của họ gây ra.

2.1.4. Chủ thể của tội phạm thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Do chủ thể của tội này là chủ thể đặc biệt nên các dấu hiệu về chủ thể là yếu tố định tội bắt buộc của cấu thành tội phạm. Việc xác định tư

cách chủ thể của tội phạm này là việc làm đầu tiên khi xác định hành vi phạm tội.

2.1.5. Mặt chủ quan của tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước thì yếu tố lỗi vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là dấu hiệu bắt buộc cần phải xác định, làm rõ. Tuy nhiên, không nhất thiết phải xác định người phạm tội thực hiện tội phạm với lỗi vô ý do tự tin hay vô ý do cầu thả.

2.2. Đường lối xử lý đối với người thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước theo BLHS năm 1999

2.2.1. Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng

Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là trường hợp phạm tội được quy định tại khoản 1 Điều 144 BLHS. Theo quy định tại khoản 1 Điều 144 thì không phải mọi hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước đều là hành vi phạm tội mà hành vi thiếu trách nhiệm đó phải gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước từ 50.000.000 đồng trở lên mới cấu thành tội phạm.

2.2.2. Phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng

Khi quyết định hình phạt đối với người phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước tại khoản 2 Điều 144 BLHS, Tòa án phải căn cứ vào các quy định về quyết định hình phạt tại chương VII BLHS để áp dụng đối với người phạm tội. Nếu người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt có thể áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình (áp dụng Điều 47 BLHS), nhưng không được dưới sáu tháng tù, không được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Nếu có đủ điều kiện quy định tại Điều 60 BLHS thì có thể cho người phạm tội được hưởng án treo.

Đây là trường hợp phạm tội nghiêm trọng nên người phạm tội dưới 16 tuổi cũng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.2.3. Phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng

Khoản 3 Điều 144 BLHS năm 1999 là tội phạm rất nghiêm trọng vì có mức cao nhất của khung hình phạt là mười lăm năm tù nên đối với

người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi cũng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.2.4. Hình phạt bổ sung

Ngoài hình phạt chính bao gồm phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn đến mười lăm năm thì tại khoản 4 có quy định hình phạt bổ sung, người phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý tài sản của Nhà nước từ một năm đến năm năm.

2.3. Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với một số tội phạm theo quy định của BLHS năm 1999

2.3.1. Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 145 BLHS).

a) Giống nhau: Cả hai tội đều được thuộc nhóm tội không có mục đích chiếm đoạt được quy định tại Chương IV Các tội xâm phạm sở hữu

- Về cấu thành tội phạm: đều là tội cấu thành vật chất, nghĩa là chỉ khi nào người phạm tội có hành vi là tài sản bị thiệt hại, mất mát, hư hỏng với giá trị tài sản từ 50.000.000 đồng thì tội phạm mới hoàn thành.

- Về khách thể: cả hai tội cùng xâm hại đến khách thể là quan hệ sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ.

- Về mặt chủ quan: cả hai tội phạm đều thực hiện với lỗi vô ý do cẩu thả hoặc vô ý do quá tự tin.

- Chủ thể của tội phạm: đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, từ đủ 16 tuổi trở lên.

b) Khác nhau:

- Về chủ thể: tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là tội có chủ thể đặc biệt. Còn đối với tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản thì chủ thể chỉ là chủ thể bất kỳ có năng lực trách nhiệm hình sự và độ tuổi từ 16 tuổi trở lên, không phải là người có nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản.

- Về khách thể: cả hai tội đều là xâm hại đến khách thể chung là quan hệ sở hữu mà không xâm hại đến quan hệ nhân thân và đối tượng là tài sản

nhưng tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước xâm hại đến sở hữu Nhà nước mà cụ thể là gây thiệt hại nghiêm trọng làm mất mát, hư hỏng đến tài sản mà Nhà nước là chủ sở hữu. Còn tài sản bị thiệt hại trong tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản là tài sản của công dân, của tổ chức xã hội, tổ chức nước ngoài...

2.3.2. Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165 BLHS)

a) Giống nhau:

Xét về cấu thành cơ bản của cả hai tội, các nhà làm luật đều đưa yếu tố định lượng vào cấu thành cơ bản và cấu thành tăng nặng..

b) Khác nhau:

- Về chủ thể: Chủ thể của tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng cũng có chủ thể đặc biệt là người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan quản lý kinh tế. Còn những chủ thể bình thường chỉ có thể là đồng phạm.

Đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước cũng là chủ thể đặc biệt là ngoài những người có chức vụ quyền hạn thì chủ thể của tội này rộng hơn, có thể chỉ là công nhân, cá nhân bình thường nhưng có nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản của Nhà nước.

- Khách thể: Muốn xác định một hành vi cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế cần phải căn cứ vào một văn bản cụ thể của cơ quan có thẩm quyền để xem xét hành vi sai trái. Còn đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước thì khách thể của tội này lại là xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý tài sản.

- Lỗi: lỗi của người phạm tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là lỗi vô ý, có thể là vô ý do quá tự tin hoặc vô ý do cầu thả. Đây là dấu hiệu khác biệt nhất giữa hai tội, tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng thì người thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, có thể là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp.

- Về hậu quả: tội làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng ngoài việc gây hậu quả về kinh tế, còn có thể gây hậu quả về chính trị. Còn tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước hậu quả chỉ là gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước.

2.3.3. Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước (Điều 144 BLHS) với tội Tham ô tài sản (Điều 278 BLHS)

a) Về chủ thể:

Ngoài việc giống nhau về chủ thể chung của các loại tội phạm là đảm bảo các yếu tố, điều kiện cần và đủ như độ, tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự thì cả hai tội đều quy định chủ thể đặc biệt.

b) Khách thể:

Tội tham ô tài sản được quy định tại chương các tội xâm phạm về chức vụ thì tội tham ô tài sản không còn khách thể là chế độ sở hữu xã hội nữa.

c) Về hành vi khách quan: đây là dấu hiệu rất quan trọng để phân biệt hai tội phạm này.

- Hành vi khách quan của người phạm tội tham ô tài sản là hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Hành vi lợi dụng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản là do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi chiếm đoạt tài sản đó có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn thì họ khó có thể thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Người phạm tội có việc lợi dụng chức vụ để chiếm đoạt tài sản thì mới bị coi là tham ô tài sản. Nếu hành vi chiếm đoạt tài sản do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện không liên quan gì đến chức vụ, quyền hạn của họ thì dù họ có chức vụ, quyền hạn cũng không xem là tham ô tài sản.

d) Về hậu quả:

Hậu quả của tội Tham ô tài sản rộng hơn so với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, đó là ngoài gây thiệt hại về tài sản, tính mạng, sức khỏe thì còn bao gồm các thiệt hại phi vật chất khác như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng về an ninh, trật tự xã hội..

đ) Yếu tố lỗi, động cơ, mục đích:

- Tội tham ô tài sản là tội có mục đích chiếm đoạt nên người phạm tội thực hiện tội phạm với lỗi cố ý.

2.3.4. Phân biệt tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 285 BLHS)

a) Giống nhau:

Về chủ thể: cả hai tội đều được quy định là chủ thể đặc biệt

Về mặt khách quan: đều được thể hiện ở một hành vi khách quan duy nhất là thiếu trách nhiệm. Hành vi được thể hiện bằng việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao nên đã gây ra thiệt hại.

- Yếu tố lỗi: cả hai tội đều được thực hiện với lỗi vô ý, có thể là vô ý do quá tự tin hoặc vô ý do cầu thả.

- Về hậu quả: đây là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội phạm của cả hai tội.

b) Khác nhau:

- Về chủ thể: Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng chủ thể phải là người có chức vụ, quyền hạn..

- Về khách thể: hai tội phạm được quy định ở hai chương khác nhau và xâm phạm hai khách thể khác nhau.

- Về hậu quả: tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng thì không những là thiệt hại về tài sản mà còn là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của người khác; tài sản bị thiệt hại do hành vi thiếu trách nhiệm gây ra không phải là tài sản do người phạm tội đang trực tiếp được giao quản lý.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Qua việc nghiên cứu cấu thành tội phạm đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp ta nhận diện về mặt lý luận và thực tiễn của tội phạm này. Qua đó, giúp ta xác định được những hành vi phạm tội nào thuộc cấu thành của tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, từ đó, giúp những nhà hoạt động thực tiễn có điều kiện nắm bắt toàn diện và đầy đủ các dấu hiệu pháp lý của tội phạm này nhằm thực hiện tốt các công tác điều tra, truy tố, xét

xử nhằm đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ngoài ra, việc nghiên cứu cấu thành tội phạm thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước giúp ta đánh giá toàn diện về tội phạm và phân biệt tội phạm này với các tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội phạm không có tính chiếm đoạt nói riêng.

Chương 3

THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI THIẾU TRÁCH NHIỆM GÂY THIẾT HẠI NGHIÊM TRỌNG ĐẾN TÀI SẢN CỦA NHÀ NƯỚC

3.1. Thực trạng xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

3.1.1. Tình hình xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

3.1.1.1. Số lượng án thụ lý trong giai đoạn 2010-2014

Qua bảng thống kê số liệu thống kê số liệu thụ lý sơ thẩm hình sự dưới đây (bảng 3.1) thì từ năm 2010-2014 tổng số vụ án thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là 19 vụ với 31 bị cáo, bình quân 1 vụ có 1,6 bị cáo. Do hàng năm thụ lý số lượng án ít nên tỉ lệ án tồn đọng của năm trước sang năm sau không nhiều, chỉ có năm 2010 và năm 2011 là có một số vụ án tồn đọng của năm trước, còn các năm sau của giai đoạn thì không còn vụ nào. Mặc dù, số lượng vụ án thụ lý hàng năm không nhiều nhưng vẫn còn một số vụ án bị tồn đọng sang năm sau, điều này cho thấy tính chất phức tạp của vụ án liên quan đến tài sản của Nhà nước.

3.1.1.2. Số lượng án xét xử trong giai đoạn 2010-2014

Theo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao trong năm năm, Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử sơ thẩm 14 vụ với 25 bị cáo, bình quân mỗi năm xét xử 2,8 vụ/ 5 bị cáo. Trong đó, không có trường hợp đình chỉ xét xử, trả hồ sơ cho Viện kiểm sát 5 vụ/ 7 bị cáo..

3.1.2. So sánh thực trạng xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước với tội phạm chung, tội phạm xâm phạm sở hữu và nhóm tội xâm phạm sở hữu không có mục đích tư lợi

Từ bảng thống kê cho thấy, trong năm năm từ 2010-2014, tổng số các vụ án hình sự đã được Tòa án khắp cả nước đưa ra xét xử sơ thẩm là 308.993 vụ với 540.314 bị cáo (bình quân mỗi năm xét xử 61.799 vụ với 108.063 bị cáo).

3.1.3. Những tồn tại, hạn chế qua thực tiễn xử lý tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Thứ nhất, trong thực tiễn giải quyết tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, có sự nhận thức không thống nhất về các quy định của pháp luật hình sự..

Thứ hai, Thực tế hằng năm các vụ án được đưa ra xét xử chưa cao.

Thứ ba, do đánh giá không đúng về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên đã dẫn đến hình sự hóa một số hành vi không phải là tội phạm hoặc bỏ lọt tội phạm.

Thứ tư, chất lượng xét xử án hình sự về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước chưa cao tỷ lệ án bị sửa, hủy vẫn còn chiếm tỷ lệ cao

3.1.4. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Thứ nhất, Về mặt lập pháp, chưa có quy định đối với người phạm tội có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm như chủ thể, mặt chủ quan, mặt khách quan... nhưng mức thiệt hại gây ra là dưới 50.000.000 đồng và bản thân người này đã bị xử phạt hành chính về hành vi vi phạm về lĩnh vực quản lý tài sản hay từng bị kết án về tội này.

Thứ hai, nguyên nhân dẫn đến việc tội phạm ần còn cao một phần do công tác đấu tranh, phòng ngừa và chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước nói riêng và các tội thuộc nhóm tội xâm phạm sở hữu nói chung còn bị hạn chế.

Thứ ba, Chính vì tội phạm xảy ra trên nhiều lĩnh vực nên thực tế giải quyết các vụ án về hành vi thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, có những vụ án các cơ quan tiến hành tố

tụng phải nghiên cứu, tìm hiểu rất nhiều văn bản liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau.

Thứ tư, khái niệm tài sản trong tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước không có sự đồng bộ với khái niệm tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự cũng như khái niệm tài sản của Nhà nước trong quy định tại Nghị định của Chính phủ.

3.2. Giải pháp hoàn thiện PLHS và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Tội phạm xâm phạm về sở hữu nói chung và tội phạm về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước trong những năm gần đây đang có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, chính trị của đất nước. Đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, phần lớn người phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan Nhà nước nên việc xảy ra tội phạm gây dư luận xấu trong nhân dân, đồng thời cũng phần nào thể hiện sự non kém của cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý tài sản của Nhà nước.

3.2.2. Giải pháp hoàn thiện PLHS đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Đề xuất bổ sung về tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước tại Điều 144 BLHS năm 1999 theo hướng cần bổ sung tình tiết, “hoặc dưới năm mươi triệu đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính; xử lý kỷ luật về hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý tài sản hoặc từng bị kết án về tội này mà chưa được xóa án tích” vào sau cụm từ “dưới hai trăm triệu đồng” tại khoản 1 Điều 144 BLHS cho phù hợp với thực tiễn xét xử.

3.2.3. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng và trình độ chuyên môn của cán bộ thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước

Một là, Các cơ quan tiến hành tố tụng cần nắm vững đường lối,

chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng giai đoạn, từ đó vận dụng linh hoạt vào công tác đấu tranh tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước nói riêng.

Hai là, cần có sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan tố tụng trong việc giải quyết từng vụ án cụ thể.

Ba là, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác điều tra, truy tố, xét xử.

3.2.4. Đẩy mạnh công tác giám sát, quản lý tài sản công, chống lãng phí, thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và nâng cao trình độ của cán bộ quản lý

Tăng cường giám sát việc sử dụng đúng mục đích, tránh lãng phí của cải chung của xã hội.

Để nâng cao trình độ, phẩm chất chính trị với cán bộ được giao trách nhiệm quản lý tài sản của Nhà nước, cần tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ quản lý, làm tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng đội ngũ cán bộ giữ nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản của Nhà nước có chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có phẩm chất chính trị tốt, ưu tiên người tài.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu đề tài “Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước”, có thể đưa ra một số kết luận như sau:

1. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là một tội phạm có cấu thành vật chất, được quy định tại chương xâm phạm sở hữu, tội phạm do người có trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản của Nhà nước vì thiếu trách nhiệm mà để mất mát, hư hỏng, lãng phí đến tài sản của Nhà nước, xâm phạm trực tiếp đến khách thể được PLHS bảo vệ là quan sở hữu tài sản của Nhà nước. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước là tội duy nhất trong chương xâm phạm sở hữu quy định chủ thể của tội phạm là chủ thể đặc biệt, có trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản và khách xâm phạm chỉ là

quan hệ sở hữu tài sản của Nhà nước chứ không bao gồm quan hệ sở hữu tài sản của công dân.

2. Nghiên cứu quá trình lập pháp của tội phạm thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước cho thấy đây là tội phạm được Nhà nước ta quy định rất sớm ngay từ những năm 1945, từ Sắc Lệnh 267 đã được quy định thành một tội phạm độc lập với khách thể được PLHS bảo vệ là quan hệ sở hữu Nhà nước. Qua các lần pháp điển hóa lần thứ nhất năm 1985, pháp điển hóa lần thứ hai năm 1999, tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước ngày càng được quy định cụ thể hơn là cơ sở pháp lý cho công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm cũng như xác định đường lối xử lý về hình sự đối với loại tội phạm này.

3. Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định, việc áp dụng các quy định của PLHS đối với tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước diễn ra khá thuận lợi. Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại hạn chế nên đã dẫn đến nhận thức cách hiểu không thống nhất trong khi định tội danh và áp dụng pháp luật để tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Do đó vẫn còn tình trạng các vụ án sau khi đã được xét xử lại bị kháng nghị. Thực tế này đòi hỏi cần phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống PLHS đối với tội xâm phạm sở hữu nói chung và tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước nói riêng.

4. Qua nghiên cứu về lý luận và thực tiễn áp dụng tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước được quy định tại Điều 144 BLHS năm 1999, trong phạm vi nghiên cứu luận văn, tác giả luận văn mong muốn góp phần làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn để hiểu sâu sắc hơn về tội này, mong muốn góp phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử cũng như phòng chống loại tội phạm này.